

VIỆC SỬ DỤNG NGƯỜI HOA CỦA CÁC CHÚA NGUYỄN TRONG CÔNG CUỘC MỞ ĐẤT MIỀN TÂY NAM BỘ

ĐỖ QUỲNH NGÀ*

Công cuộc mở đất Đàng Trong nói chung và miền Tây Nam Bộ nói riêng là công lao của bao nhiêu thế hệ lao động trong tất cả các thành phần xã hội dưới thời các chúa Nguyễn trong đó có người Hoa, một lực lượng chủ yếu mà các chúa Nguyễn đã sử dụng rất có hiệu quả trong việc xây dựng đô thị, phát triển thương mại của Đàng Trong.

Chính sách sử dụng người Hoa của các chúa Nguyễn ở Tây Nam Bộ mà cụ thể là Dương Ngạn Dịch ở Mỹ Tho và Mạc Cửu cùng con cháu họ Mạc với đất Hà Tiên đã để lại cho đất nước một di sản về lãnh thổ và dân cư đáng trân trọng và cả những giá trị về lịch sử.

1. CHÚA NGUYỄN PHÚC TẤN VỚI DƯƠNG NGẠN DỊCH Ở MỸ THO (1679-1689)

Vùng Tây Nam Bộ được chúa Nguyễn cũng như người dân Việt chú ý muộn hơn so với Đông Nam Bộ, bởi vì vị trí cách trở và điều kiện khai phá cũng khó khăn hơn.

Cho đến khi Dương Ngạn Dịch theo sự phân công của chúa Nguyễn Phúc Tần đi theo đường biển vào cửa Lôi Lạp, đến định cư ở Mỹ Tho vào năm 1679 để khai phá vùng đất này thì vùng Tây Nam Bộ lần đầu tiên mới được khai phá dưới thời chúa Nguyễn.

Dương Ngạn Dịch là một trong những viên tướng của nhà Minh không chịu thuận phục nhà Thanh đã di cư đến nước ta, nhờ chúa Nguyễn giúp đỡ. Năm 1644, triều Minh bị Mãn Thanh lật đổ. Để trấn áp những lực lượng trung thành với nhà Minh, quân Mãn Thanh sau khi chiếm được Bắc Kinh đã mở cuộc hành quân càn quét với quy mô lớn kéo dài nhiều năm để bình định các tỉnh miền Nam Trung Quốc, nơi cố thủ cuối cùng của một lực lượng khá lớn tàn quân nhà Minh. Cuộc chiến kéo dài gần 4 thập kỷ (1644 - 1683) cho đến khi quân Thanh chinh phục những cuộc kháng cự cuối cùng trên đảo Đài Loan do viên tướng Trịnh Thành Công chỉ huy. Nhiều võ quan và quân đội trung thành với nhà Minh đã

* ThS. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

đưa gia đình của họ vượt biên ra nước ngoài nhằm tránh sự trả thù của chính quyền Mãn Thanh.

Sự xuất hiện của lực lượng người Hoa này ở Đàng Trong được sử nhà Nguyễn ghi lại: *"Kỷ Mùi, năm thứ 31 (1679), mùa xuân, tháng giêng, tướng cũ nhà Minh là Long Môn tổng binh Dương Ngạn Dịch và phó tướng Hoàng Tiến, Cao Lôi Liêm tổng binh Trần Thượng Xuyên và phó tướng Trần An Bình đem hơn 3.000 quân và hơn 50 chiếc thuyền đến các cửa biển Tư Dung và Đà Nẵng, tự trấn là bỏ thần nhà Minh, nghĩa không chịu làm tôi nhà Thanh nên đến xin làm tôi tớ"* (1). Tình thế này đã đặt chúa Nguyễn Phúc Tần đứng trước sự lựa chọn thông minh, cuối cùng chúa đã quyết định: *"Nay đất Đông Phố (tên cổ Gia Định) nước Chân Lạp đông ruộng phì nhiêu nghìn dặm, triều đình chưa rồi mà kinh lý, chi bằng lấy sức của họ cho đến khai khẩn để ở, làm một việc mà lợi ba điều"* (2). Chúa một mặt ban cho các tướng nhà Minh những chức như cũ, phong thêm chức quan mới, mặt khác gửi thư cho vua Chân Lạp yêu cầu chia cấp đất đai cho họ. Lúc này, biên giới Việt - Champa về phía Nam còn dừng lại ở sông Phan Rang nên phương án đưa đoàn người di dân người Hoa vượt biển vào đất Chân Lạp là một cách ứng xử linh hoạt và khôn ngoan, đồng thời, cũng thể hiện uy thế của một nước lớn đối với phiên thần của mình.

Binh thuyền của Dương Ngạn Dịch tiến vào cửa Lôi Lạp, theo cửa Đại, cửa Tiểu đến định cư ở Mỹ Tho. Ông chia quân thành hai nhóm, một nhóm do ông dẫn đầu đưa thuyền chạy vào cửa Xoài Rạp, sau đó định cư ở đất Phiến Trấn, một nhóm do Hoàng Tiến chỉ huy tiến vào Đại Tiểu hải khẩu lên định cư ở Mỹ Tho. Như vậy, Dương Ngạn Dịch với danh nghĩa là một

viên quan của chúa Nguyễn đã đến khai phá vùng đất này.

Dương Ngạn Dịch sau khi đến Mỹ Tho đã tiến hành vỡ đất, xây phố, lập chợ để dựng nên một "Mỹ Tho đại phố" sầm uất quy tụ người Hoa, người Việt, người Khmer. Ông cho nhóm hợp người Việt, người Khmer và người Hoa tiến hành khai khẩn đất đai, lập trang trại và thôn ấp tạo nên sự chuyển biến đáng kể của vùng đất trước đây vốn khá hoang sơ này. Mỹ Tho trở thành nơi nhộn nhịp, việc giao lưu buôn bán với thương nhân nước ngoài trở nên thịnh vượng, thu hút sự quan tâm của các thương thuyền Trung Hoa, Nhật Bản, Tây Dương và Bồ Đào Nha. *"Mỹ Tho đại phố"* là một thương cảng xuất nhập khẩu hàng hoá. Nằm dọc theo sông Tiền, nơi nào có đông cư dân là có những khu thị tứ vệ tinh như Chợ Gạo, Bến Chùa, Cái Bè, Long Hồ, Sa Đéc, Cái Tàu Thượng, Cái Tàu Hạ, Tân Châu, Tân Đức và kên tận các khu thị tứ của Chân Lạp. Những khu thị tứ này làm nhiệm vụ cung cấp những mặt hàng nông sản, thổ sản cho Mỹ Tho đại phố xuất khẩu, đồng thời cũng nhận hàng hoá của nước ngoài để phân phối và bán cho người tiêu dùng" (3).

Lực lượng người Hoa đến vùng đất Mỹ Tho càng ngày càng đa dạng hơn, ngoài các di thần nhà Minh, binh lính, thương gia còn có các trí thức Nho giáo, các nhà sư. Đa số người Hoa đến đây đều là những cư dân ở các vùng duyên hải phía Nam Trung Quốc nên có hiểu biết về biển, giỏi về giao thương trên biển, kỹ thuật đóng thuyền, thành thạo thủy chiến, có kinh nghiệm trong việc giao lưu, tiếp xúc, kiểm kê hàng hoá ở các cảng biển. Với địa thế vùng đất Mỹ Tho thuận lợi cho giao thương, buôn bán, người Hoa ở vùng đất này sống chủ yếu bằng nghề buôn bán, sản xuất thuốc

đồng y, tiểu thủ công nghiệp. Đến thế kỷ XVII, Mỹ Tho trở thành một trong hai trung tâm thương mại lớn nhất Nam Bộ lúc bấy giờ (4).

Cùng với những hoạt động thương mại, đời sống tinh thần của người Hoa cũng thấm dần vào mảnh đất này. Người Hoa đã du nhập vào vùng đất này văn hoá Trung Hoa, hoà cùng với văn hoá Khmer, Việt, Chăm tạo nên sự phong phú về văn hoá cho mảnh đất này.

Tuy vậy, chỉ 9 năm sau (1688), sự tranh chấp quyền lực khiến nội bộ lục đục dẫn đến việc Dương Ngạn Dịch bị phó tướng Hoàng Tiến giết chết:

"Tháng 6, phó tướng Long Môn Hoàng Tiến giết chết chủ tướng là Dương Ngạn Dịch ở cửa biển Mỹ Tho, tự xưng là Phấn dũng Hồ oai tướng quân, thống lĩnh dư chúng Long Môn, dời đồn sang Nam Khê (nay thuộc huyện Kiến Hòa, tỉnh Định Tường) (5), thủ hiểm đắp lũy, dúc đại bác, đóng chiến thuyền, thả quân đi cướp bóc" (6).

Chúa Nguyễn Phúc Trấn sai quân vào đánh, năm 1689 tướng Mai Vạn Long đã dụ được Tiến. Hoàng Tiến và vợ con đều bị giết (7).

Như vậy, không giống với những thành quả mà Trấn Thượng Xuyên đã làm được ở Cù Lao Phố, những nỗ lực của Dương Ngạn Dịch ở Mỹ Tho bị gián đoạn khiến Mỹ Tho rơi vào cảnh điêu tàn.

Sau khi Hoàng Tiến bị giết chết, chúa Nguyễn đã giao quân Long Môn cho Tổng binh Trấn Thượng Xuyên quản lý. Trấn Thượng Xuyên đã nhập hai toán quân ở Nông Nại và Mỹ Tho rồi chia ra đóng tại Ngự Khê (rạch Cái Cá), Doanh Châu (Cù Lao Giêng) (8), (9). Sự quản lý của chúa Nguyễn đối với vùng đất này còn lỏng lẻo. Mỹ Tho buổi đầu đặt dưới sự kiểm soát của

các tướng Long Môn và có nhiệm vụ thu nhận số dân cư quá đông được chuyển từ Trấn Biên và Phiên Trấn xuống. Người dân ở đây được tạo điều kiện làm ăn, sinh sống thoải mái hơn so với dân ở Đồng Nam Bộ, do những quy định còn chưa chặt chẽ và chủ trương khuyến khích của chúa Nguyễn nên họ được tự do làm ăn và khai khẩn đất đai. Thuế được thu theo sản phẩm nghề nghiệp của từng người: người làm ruộng thì nộp lúa, người đánh cá thì nộp cá, người làm rừng thì nộp gỗ ... Để thu thuế dân ở Mỹ Tho, chúa Nguyễn cũng đã cho lập 9 kho riêng (Quy An, Quy Hóa, Cảnh Dương, Thiên Mục, Quân Thảo, Hoàng Lạp, Tam Lạch, Bà Canh, Tân Thịnh) để nhân dân ở gần kho nào thì đem thuế đến nộp kho đó cho tiện.

Như vậy trên thực tế, chúa Nguyễn đã có sự khai thác nhất định đối với Mỹ Tho, nhưng về mặt chính danh thì vùng đất này vẫn chưa thuộc về sự quản lý của chúa Nguyễn. Tuy nhiên, đây được xem là bước chuẩn bị quan trọng cho sự ảnh hưởng sâu rộng của các chúa Nguyễn trên vùng đất Tây Nam Bộ trong quá trình thiết lập chính quyền của Phiên trấn dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu vào năm 1698. Cho đến khi được Mạc Cửu dâng phần đất Hà Tiên (1708) mà ông đã khai phá trước đó thì chúa Nguyễn mới bắt đầu với tay tới miền Tây Nam Bộ một cách thực sự.

II. CHÚA NGUYỄN VỚI HỌ MẠC Ở TRẤN HÀ TIỀN (1708 - 1757)

Khi đoàn di thần nhà Minh do Dương Ngạn Dịch và Trấn Thượng Xuyên dẫn đầu đến Đàng Trong thì Mạc Cửu cũng có mặt ở miền Tây Nam Bộ. Mạc Cửu (1655 - 1735) là một doanh nhân ở thôn Lê Quách, huyện Hải Khang, phủ Lôi Châu, tỉnh Quảng Đông; do không chấp nhận sự thay thế của nhà Thanh, đã vượt biển sang trú ngụ ở

phủ Nam Vang của Chân Lạp vào năm 1680. Sách *Gia Định thành thông chí* cho biết: "... đến năm Khang Hy thứ mười chín (1680), tỉnh Quảng Đông mới được dẹp xong, nhà Minh mất, không phục chính sách buổi đầu của nhà Đại Thanh, để tóc sang phương Nam, ở tại phủ Nam Vang nước Cao Mên" (10). Ông vốn là một nhà buôn thảo vát, có tài kinh bang tế thế, hay đi lại buôn bán trên các tuyến đường biển từ Trung Quốc đến Philippine, Batavia (Indonesia)..., nói thành thạo tiếng Chân Lạp nên được vua Nặc Nộn mời làm quan và phong cho chức Ốc Nha (Oknha). Điều này cũng được ghi chép ở *Đại Nam liệt truyện tiền biên*: "Cửu giữ riêng tóc mà đi về phương Nam, tới ở Chân Lạp, làm quan Ốc Nha" (11).

Thấy chính sự ở đó rối ren, mà đất Mang Khâm (tên cũ của Hà Tiên lúc bấy giờ), thuộc tỉnh Peam (người Hoa gọi là Phương Thành) có nhiều người Việt, người Trung Quốc, người Chân Lạp, người Chà - Và đến làm ăn nên ông đến đó xin mở sòng bạc, đánh thuế hoa chi kiếm lời, lại đào được hũ bạc và trở nên giàu có. Ông xây một tòa thành bên bờ biển, mở phố xá: "*Nhân chiêu tập dân xiêu dạt đến các nơi Phú Quốc, Cẩn Bột, Giá Khê, Luống Cày, Hương úc, Cà Mau (thuộc tỉnh Hà Tiên), lập nên 7 xã thôn. Vì chỗ ở có truyền thuyết rằng thường có người tiên hiện ở trên sông, nhân thế đặt tên là Hà Tiên*" (12).

Vào những năm cuối thế kỷ XVII và đầu thế kỷ XVIII, Hà Tiên dưới sự tổ chức của Mạc Cửu đã trở thành một nơi trù phú nên quân Xiêm thường đến cướp phá. Năm 1688, quân Xiêm đến đánh phá Hà Tiên và thuyết phục ông đưa gia quyến về Xiêm, cho ở tại cảng Vạn Tuế Sơn (Muang Galapuri). *Đại Nam liệt truyện tiền biên* chép: "*Gặp lúc người Tiêm đánh Chân Lạp,*

người Chân Lạp vốn nhút nhát, nghe giặc tới liền chạy, tướng Xiêm thấy Cửu bèn dụ về Tiêm. Cửu bất đắc dĩ phải theo. Khi đã tới Tiêm, vua Tiêm thấy trạng mạo lấy làm lạ, mừng rỡ giữ Cửu lại" (13).

Gia phả họ Mạc ở Hà Tiên cũng xác nhận quân Xiêm "khuyên dụ" và Mạc Cửu "không có cách nào từ chối" được: "*Phương Thành vốn là vùng đất ven bờ, chỉ là nơi tụ tập buôn bán sinh lợi, chứ không phải là chốn dụng võ, vì thế thuyền giặc tới là cứ thoả sức hoành hành, không có khả năng chống cự lại, lập tức bị chúng chiếm lấy. Vua Cao Mên lại là kẻ hèn nhát, mới được thư cấp báo đã vội dẫn gia quyến bỏ chạy. Quân Xiêm vào thả cửa bắt bỏ đàn bà con gái, vơ vét ngọc lụa của cải rồi rút về. Tướng Xiêm thấy cụ (tức Mạc Cửu) là người hùng dũng cương nghị, trong bụng rất mến, bèn đổi đãi từ tế và khuyên dụ cụ cùng theo về nước. Cụ không có cách nào từ chối, đành theo họ về phương bắc. Vua Xiêm nom thấy trạng mạo cụ thì mừng rỡ lưu giữ cụ ở lại... Gặp hồi nước Xiêm xảy ra nội loạn, cụ liền ngấm dấm dắt dân chúng đi theo trở lại đất Long Kỳ*" (14)" (15).

Hai năm sau, ông trốn về được và bắt tay vào công cuộc khôi phục Hà Tiên. Như vậy, các kết quả nghiên cứu trước đây cho là Mạc Cửu bị quân Xiêm bắt và ông đã trốn về Long Kỳ, sau đó trở lại với đất Hà Tiên là không chính xác; ngay cả tác giả bài viết này cũng có sự nhầm lẫn trong một bài công bố gần đây (16).

Gần đây, bàn về sự việc Mạc Cửu sang Xiêm vào năm 1688, có ý kiến cho là do bản thân Mạc Cửu muốn tìm sự an toàn tính mạng chứ không phải bị quân Xiêm bắt: "*Năm 1688 có một sự cố xảy ra tại Nam Vang: nhiều kiều dân người Hoa bị người Khmer bắt giết. Nguyên nhân là đám tàn quân kiều binh người Hoa đóng ở Mỹ Tho*

đã cướp giết người qua lại trên sông Tiền. Họ không chế con sông này, làm nghẹt đường ra biển. Các vụ cướp bóc lan dần đến Nam Vang. Người Khmer vô cùng phẫn nộ. Họ lùng bắt người Hoa đem giết để trả thù. Mạc Cửu cũng là người Hoa, bản thân bị mất an ninh nên ông phải trốn chạy sang Xiêm. Như vậy, Mạc Cửu qua Xiêm là di tị nạn chứ không phải bị quân Xiêm bắt" (17).

Xem xét về các sự kiện có liên quan giữa người Hoa do sự tranh chấp của nhóm Hoàng Tiến và Dương Ngạn Dịch. Năm 1688, Dương Ngạn Dịch bị Hoàng Tiến giết. Tiến cho quân lộng hành, cướp bóc. Chúa Nguyễn cho quân đánh và giết được Hoàng Tiến vào năm 1689, tình thế ở Mỹ Tho mới ổn định. Cùng thời điểm này quân Xiêm sang đánh Chân Lạp, đánh phá Hà Tiên dẫn đến việc Mạc Cửu qua Xiêm vào năm 1688. Nên ý kiến cho là Mạc Cửu bị quân Xiêm bắt về nước thì thật khó sức thuyết phục.

Chân Lạp ngày càng suy yếu, nội chiến liên miên, lại thường xuyên đứng trước nguy cơ bị quân Xiêm xâm lược, trong khi đó thanh thế của chúa Nguyễn ngày càng lên cao. Lãnh thổ của chúa Nguyễn lúc này vào tới miền Đông và một phần của Tây Nam Bộ. Phủ Gia Định đã được lập nên cho thấy vị thế của chúa Nguyễn ảnh hưởng mạnh mẽ trên đất Chân Lạp. Vì thế, Mạc Cửu đã hướng đến chúa Nguyễn, như tìm về một chỗ dựa tin cậy hơn. Năm 1708, ông đã cùng thuộc hạ là Trương Cầu và Lý Xã mang tờ biểu trần tình, ngọc lụa vượt ngàn dặm xa ra tận thủ phủ Phú Xuân để gặp chúa Nguyễn, xưng thần và xin làm Hà Tiên trưởng. Cuộc gặp gỡ tạo nên bước ngoặt đối với cả Hà Tiên lẫn Đàng Trong này diễn ra như sau: "*Chúa (Nguyễn Phúc Chu) thấy Mạc Cửu tướng mạo khôi kiệt, cử chỉ ân cần khen là trung thành, sắc cho*

làm đất phụ thuộc, gọi là trấn Hà Tiên, phong Cửu làm tổng binh, ban cho ấn thụ. Lại sai nội thần trong cung tiễn ra tới ngoài cửa đô thành, người ta đều cho là vinh dự" (18).

Như vậy, đến năm 1708, với cuộc gặp gỡ mang tính chất lịch sử này, trấn Hà Tiên rộng lớn từ Kiên Giang cho đến tận Cà Mau đã thuộc về Đàng Trong. Chính uy thế lớn mạnh của chúa Nguyễn trên khắp bờ cõi Chân Lạp đã biến thành một sức mạnh diệu kỳ để lãnh thổ Đàng Trong ngày càng được mở rộng ra. Vùng đất Hà Tiên rộng lớn hồi đó đã được sáp nhập vào Đàng Trong, lãnh thổ của chúa Nguyễn mở rộng đến tận cực Nam, trong đó có nhiều tên đất nằm trên lãnh thổ Campuchia, sát biên giới nước ta ngày nay.

Chúa Nguyễn với tầm nhìn xa, sự khôn khéo và tinh thần trọng kẻ hiền tài, khả năng dùng người đã mang về cho mình dải đất ven bờ biển vịnh Xiêm La, mà từ đây chúa có thể dùng làm bàn đạp để trở lên phía Đông, nối liền miền Tiền Giang.

Hà Tiên trở thành một đơn vị hành chính trực thuộc Đàng Trong, nhưng là một đơn vị hành chính đặc biệt. Tính chất "tự trị" của Hà Tiên khá cao vì chúa Nguyễn không can thiệp sâu vào công việc quản lý nơi đây mà chủ yếu là giao cho Mạc Cửu tự quản.

Lẽ dĩ nhiên, không phải vô cớ mà chúa Nguyễn Phúc Chu lại tỏ ra dễ dãi đối với một vùng đất rộng lớn như vậy. Điều đó là kết quả của một sự nhận thức vấn đề một cách đúng đắn, hợp lý: Mạc Cửu đã chủ động, tự nguyện tìm đến chúa dâng đất, không lý gì mà ông ta có thể quay lưng tạo phản; hơn nữa chúa cũng chưa đủ điều kiện để vội tay sâu đến vùng đất này. Chính cách giải quyết vấn đề của chúa Nguyễn Phúc Chu như vậy đã tạo nên sự

tự chủ, năng động cho Hà Tiên. Hà Tiên từ giờ phút đó cũng yên ổn vì đã được nằm trong tầm cai quản của chúa Nguyễn, không còn phải lo ngại sự đánh phá của quân Xiêm.

Sự tin tưởng, cởi mở, thoáng đạt của chúa Nguyễn đã tạo nên sự khích lệ đối với Mạc Cửu. Sau khi từ Phú Xuân trở về, với tư cách là một viên quan Tổng binh, một "bề tôi đặc biệt" của chúa Nguyễn, Mạc Cửu có nhiều chính sách tích cực để thu hút dân cư, phát triển Hà Tiên. Ông cho xây thành quách, dựng doanh trại, xếp đặt liêu thuộc, đặt nhiều quán khách để đón tiếp kẻ hiền tài nên dân tập trung về Hà Tiên ngày một đông đúc. Sự nỗ lực của Mạc Cửu đối với sự phát triển thịnh vượng của Hà Tiên đã được tác giả sách *Đại Nam liệt truyện tiền biên* đánh giá như là "*một đò hội nhỏ*" (19).

Có một điều buộc chúng ta phải lưu ý đối với quá trình khai phá đất Hà Tiên của các chúa Nguyễn, đó là phản ứng của Chân Lạp sau khi Mạc Cửu dâng đất cho chúa Nguyễn.

Chân Lạp vào thời kỳ này trở thành vùng đất đai bị giành giật giữa Xiêm và Đàng Trong. Bản thân trong hoàng gia Chân Lạp cũng chia làm 2 phe: phe Nặc Yêm - con của Nặc Nộn do chúa Nguyễn lập nên và phe Nặc Thu và con là Nặc Thâm nương nhờ vua Xiêm. Tuy vậy, Nặc Thu vẫn làm nghĩa vụ cống nạp cho chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn đã trên 2 lần vỗ về Nặc Thu nhưng không đạt kết quả. Chiến tranh liên miên giữa hai phe phái trong nội bộ Chân Lạp cùng với sự hỗ trợ của hai thế lực hậu thuẫn là Đàng Trong và Xiêm luôn diễn ra, gây bất ổn cho Chân Lạp.

Đến tháng 2 năm 1715, Nặc Thâm với sự hỗ trợ hùng hậu của quân Xiêm đã chọn Hà Tiên làm đích ngắm trong cuộc chiến

với Nặc Yêm. Trong trận đánh này, vua Xiêm đích thân chỉ huy, đem 3.000 thủy quân cùng Nặc Thâm tiến đánh Hà Tiên. Do bất ngờ, không phòng bị nên Mạc Cửu không chống cự được, chỉ giữ được đất Lũng Kỳ (Luồng Cày). Nặc Thâm cướp hết của cải của Hà Tiên mang đi. Sau khi có sự thu xếp giữa Nặc Yêm với vua Xiêm thì quân Xiêm rút khỏi lãnh thổ Chân Lạp. Mạc Cửu quay trở lại Hà Tiên, "*đắp thành đất, đặt xích hậu xa để làm kế phòng thủ*" (20).

Có thể nói rằng chính Mạc Cửu là người có công đầu trong việc đặt nền móng và phát triển trấn Hà Tiên, mang lại cho Đàng Trong một vùng lãnh thổ rộng lớn, giàu có. Nói đến sự nghiệp mở mang khai phá trấn Hà Tiên, không thể không nói đến nhân vật đặc biệt này. Ông được chúa Nguyễn phong tặng là Khai trấn Thượng trụ quốc Đại tướng quân Vũ nghị công.

Sau khi Mạc Cửu mất năm 1736, con ông là Mạc Thiên Tứ (1706 - 1780), thừa kế chức vụ Tổng binh trấn Hà Tiên, tiếp tục sự nghiệp xây dựng Hà Tiên của cha. Mạc Thiên Tứ đã không những bảo vệ, kế thừa những thành quả của Mạc Cửu đã gây dựng mà ông còn đưa Hà Tiên ngày càng phát triển về cả mức độ thịnh vượng lẫn sự mở rộng về lãnh thổ với công lao to lớn trong việc nối rộng lãnh thổ của Đàng Trong về phía Tây.

Mạc Thiên Tứ mang trong mình hai dòng máu Hoa - Việt và sự xuất hiện của ông trên cõi đời cũng được sử sách ghi lại với màu sắc huyền bí, "*...lúc sinh ra đã có điềm lạ. Trước đó trên con sông chỗ Cửu ở tại Trũng Kè, chợt xuất hiện một pho tượng vàng cao 7 thước, ánh sáng chói ngời trên mặt nước. Có nhà sư người Man trông thấy kinh lạ, nói với Cửu rằng: "Đó là điềm trong nước xuất hiện người tài giỏi, phúc đức không biết đâu mà kể". Cửu sai người*

kéo lên, nhưng dùng cách nào cũng không lay chuyển được pho tượng, bèn dựng một ngôi chùa nhỏ trên bờ sông gần chỗ đó để thờ. Thiên Tứ cũng sinh trong năm ấy, người ta truyền là bậc Bồ Tát xuống trần" (21).

Mạc Thiên Tứ được xem là người thông minh mẫn tiệp, đọc rộng kinh sử và tinh thông võ lược. Thay cha làm Tổng binh trấn Hà Tiên, ông được chúa Nguyễn Phúc Chú ban cho nhiều ưu đãi: cho 3 chiếc thuyền long bào được miễn thuế và sai mở Cục đúc tiền để thuận tiện cho buôn bán (22). Ông còn được chúa ban cho bốn "đạo cáo sắc" để phong cho các viên cai đội, đội trưởng ở trấn.

Phát huy hơn nữa những gì cha mình đã gây dựng nên, Mạc Thiên Tứ tích cực xây dựng và thực hiện một số cải cách đối với Hà Tiên. Một mặt, ông chia đặt nha thuộc, kén quân lính, xây dựng thành bảo, mở chợ búa khiến cho thương nhân trong nước và nước ngoài đến càng ngày càng đông. Mặt khác, ông lại rất chú trọng đến học vấn khi mời gọi, chiêu nạp kẻ sĩ bốn phương đến Hà Tiên. Đặc biệt, ông cho mở Chiêu Anh Các làm nơi bàn luận học vấn, xướng họa thi văn. Tập *Hà Tiên thập vịnh* (mười bài thơ vịnh cảnh Hà Tiên) là một trong những tác phẩm nổi tiếng nhất và còn lưu truyền đến ngày nay của Chiêu Anh Các. Với những hoạt động về học thuật của mình, và với sự ra đời của Chiêu Anh Các và *Hà Tiên thập vịnh*, Mạc Thiên Tứ đã đưa nền học vấn đến với người dân Hà Tiên, khiến cho "*người Hà Tiên từ đó mới biết học hành*" (23).

Công cuộc đấu tranh để bảo vệ trấn Hà Tiên trước sự uy hiếp, nhòm ngó của Chân Lạp và Xiêm cũng trở nên rất cam go dưới thời Mạc Thiên Tứ.

Chân Lạp mất đất nên rất oán hận Mạc Cửu. Vào năm 1739, nhân khi Mạc Thiên Tứ mới lên kế nghiệp cha, còn chưa đủ sức phòng bị Hà Tiên, vua Chân Lạp là Nặc Bôn đã mang quân xâm lấn Hà Tiên. Tuy vậy, Mạc Thiên Tứ với sự giúp sức tích cực của vợ là Nguyễn Thị về mặt hậu cần, quân lương, đã chỉ huy quân đánh thắng trận, bảo vệ được bình yên cho trấn Hà Tiên. Ông được chúa Nguyễn Phúc Khoát đặc phong làm Tướng quân Đô đốc, ban cho áo bào đỏ, mũ và dây lưng; vợ ông được phong làm Phu nhân. Từ đó, Hà Tiên không còn bị Chân Lạp nhòm ngó nữa (24).

Với Xiêm, Hà Tiên cũng là một điểm ngắm thường xuyên trong chính sách bành trướng lãnh thổ của mình. Mạc Thiên Tứ đã phối hợp với quân của chúa Nguyễn lập nên những chiến thắng vang dội như ở trận chiến năm 1767 đối với cuộc tiến công của vua Cù (Boromoraja), nhưng cũng có lần thất bại như trong trận đánh năm 1771 (25).

Tuy vậy, công lao của Mạc Thiên Tứ đối với Hà Tiên là rất to lớn. Đóng góp lớn nhất của Mạc Thiên Tứ là ông không những đã thành công trong việc bảo vệ Hà Tiên thoát khỏi mối hận mất đất của Chân Lạp, mà đặc biệt, còn mở thêm đất cho trấn Hà Tiên, khiến cho lãnh thổ Đàng Trong của chúa Nguyễn ngày càng thêm rộng lớn hơn.

Đó là vào mùa xuân năm 1756, vua Chân Lạp là Nặc Nguyên uy hiếp người Côn Man, bị chúa Nguyễn sai quân đánh bại, phải trốn sang Hà Tiên nương nhờ Mạc Thiên Tứ. Với việc che chở cho vua Nặc Nguyên, Mạc Thiên Tứ đã đem về cho trấn Hà Tiên nói riêng và Đàng Trong nói chung thêm một phần đất mới của Chân Lạp là hai phủ Tầm Bôn và Lôi Lạp (sau trở thành phủ Gò Công và phủ Tân An) khi vị

vua Chân Lạp này nhờ Mạc Thiên Tứ tâu lên chúa Nguyễn ý nguyện hiến đất để chuộc tội (26).

Tiếp đó, năm 1757, sau khi ông đứng ra sắp xếp, xin chúa Nguyễn cho Nặc Tôn làm vua Chân Lạp, Nặc Tôn đã dâng đất cho chúa Nguyễn và Mạc Thiên Tứ: *"Chúa phong Tôn làm quốc vương Chân Lạp, sai Thiên Tứ hộ tống về nước, Tôn bèn hiến đất Tầm Phong Long, lại cắt đất 5 phủ Vũng Thơm, Cần Vọt, Chư Rùm, Sài Mạt, Linh Quỳnh để tạ riêng Thiên Tứ"* (27). Mạc Thiên Tứ đã dâng hết 5 phần đất ấy cho chúa Nguyễn. Cũng trong năm này, ông đặt *"xứ Rạch Giá làm đạo Kiên Giang, xứ Cà Mau làm đạo Long Xuyên, đặt quan cai trị, chiêu dân lập ấp, khiến cho bờ cõi của trấn Hà Tiên ngày càng mở rộng thêm"* (28). Từ đây, địa vực từ Hậu Giang ra đến biển phía Đông và phía Tây Nam đất nước đều đã thuộc về chúa Nguyễn.

Như vậy, nối tiếp cha, Mạc Thiên Tứ đã tận trung với chúa Nguyễn, tích cực xây dựng và mở rộng trấn Hà Tiên, đem lại cho chúa Nguyễn một phần lãnh thổ rộng lớn, bao gồm phần lớn các tỉnh cực Nam của Tây Nam Bộ ngày nay.

Qua đó, có thể thấy rằng, chúa Nguyễn có được trấn Hà Tiên rộng lớn như vậy là không chỉ nhờ vào thanh thế lớn mạnh mà còn nhờ vào khả năng dùng người tài của mình. Chính sự tin tưởng, cởi mở, vồ vể cùng nhiều chính sách ưu đãi, hợp tình hợp lý, trọng dụng người tài của chúa Nguyễn đã khiến cho những người Hoa trên đất Nam Bộ có điều kiện phát huy hết lòng trung thành và tài năng của mình để phục vụ cho công cuộc xây dựng và phát triển Dàng Trong.

Hà Tiên không những là cánh cửa rộng mở đón chúa Nguyễn đến với miền Tây Nam Bộ mà còn là một dẫn chứng điển

hình về một chính sách tiến bộ của chúa Nguyễn đối với ngoại kiều đã để lại một di sản văn hoá độc đáo của dân tộc. Tác giả Châu Thị Hải, chuyên gia nghiên cứu về người Hoa tại Việt Nam đã có nhận xét rất xác đáng về trường hợp chúa Nguyễn sử dụng người Hoa tại Hà Tiên: *"Hà Tiên trở thành vùng đất điển hình của sự di cư, cộng cư, hoà nhập và thống nhất giữa các tộc người khác nhau với những đặc trưng văn hoá cũng hoàn toàn khác nhau. Con đường chuyển tải và hội nhập văn hoá mà cha con Mạc Cửu kiến tạo không giống với bất cứ con đường nào trong quá trình tiếp xúc và giao lưu văn hoá Việt-Hoa"* (29).

Sau 78 năm kể từ ngày Dương Ngạn Dịch đến Mỹ Tho (1679- 1757), 49 năm sắp nhập trấn Hà Tiên (1708 - 1757), cuối cùng, chúa Nguyễn đã có được vùng đất rộng lớn, màu mỡ nằm giữa khu vực Trấn Biên, Phiên Trấn và trấn Hà Tiên. Đó là kết quả một quá trình đấu tranh gian khổ của nhân dân ta trong đó có nguyên nhân là do thời cơ từ bên ngoài đưa lại và chính sách sử dụng người Hoa đúng đắn của các chúa Nguyễn.

Hoàn cảnh lịch sử các chúa Nguyễn mở đất Dàng Trong là một lợi thế hiếm có của Việt Nam. Đó là lúc chúa Nguyễn bị sức ép mang tính sống còn của chúa Trịnh ở Dàng Ngoài, trong lúc chúa Nguyễn muốn tồn tại và khẳng định vị thế độc lập. Đó là lúc nước Chăm-pa và Chân Lạp ở phương nam suy yếu, nội bộ mâu thuẫn đang tìm chỗ dựa từ bên ngoài. Sự ra đời của Dàng Trong là thời kỳ thịnh vượng của nền thương mại châu Á, tiêu biểu là Trung Quốc và Nhật Bản và cũng là thời kỳ phồn thịnh đại hàng hải của thế giới phương Tây trên cơ sở nền công nghiệp của kinh tế tư bản phát triển đang chinh phục các lục địa để tìm kiếm thị trường và nguyên liệu mới.

Bối cảnh đó đã dẫn đến chính sách mở cửa của các chúa Nguyễn. Các chúa Nguyễn đã rộng mở để đón tất cả Hoa thương đến buôn bán và cho họ lập phố cư trú.

Lực lượng người Hoa đến với Đàng Trong ngày càng đông, nhất là sau khi lần sống phân Thanh phục Minh bị thất bại vào năm 1679. Chính yếu tố lịch sử này đã tạo nên cơ duyên để chúa Nguyễn phát huy uy thế của mình ở miền Tây Nam Bộ qua nhóm Dương Ngạn Dịch ở Mỹ Tho (1679) và Mạc Cửu ở Hà Tiên (1708). Các nhóm người Hoa này đã tìm được vùng đất lý tưởng để mưu sinh lại được các chúa Nguyễn ưu đãi nên đã đưa hết năng lực ra

để xây dựng và phát triển doanh thương mà trường hợp cha con Mạc Cửu ở Hà Tiên là một điển hình về hệ quả của chính sách sử dụng người Hoa của các chúa Nguyễn.

Việc các chúa Nguyễn sử dụng người Hoa trong việc khai thác miền Tây Nam Bộ qua hai nhóm di dân Dương Ngạn Dịch tại Mỹ Tho và Mạc Cửu tại Hà Tiên là một thành quả lớn lao đã để lại một tài sản vô giá và là bài học sâu sắc về chính sách sử dụng nhân lực, nhất là với người nước ngoài trong việc xây dựng đất nước, xây dựng khối đoàn kết cộng đồng dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

CHÚ THÍCH

(1). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục tiền biên*, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1962, tr. 125.

(2). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục tiền biên*, sđd, tr. 125.

(3). Trương Ngọc Tường, *Mỹ Tho đại phố*, Tập chí Xưa & Nay số 344, 2009, tr. 5.

(4). Đỗ Thị Hà, "Người Hoa đối với quá trình hình thành và phát triển đô thị Mỹ Tho", Tập chí Xưa & Nay số 344, 2009, tr. 15.

(5). Nay là xứ Rạch Nân thuộc sông Vàm Cỏ.

(6). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục tiền biên*, sđd, tr. 135.

(7). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục tiền biên*, sđd, tr. 136.

(8). Trương Ngọc Tường *Mỹ Tho đại phố*, Tập chí Xưa & Nay, số 344, 2009, tr. 5.

(9). Vào đầu thế kỷ XIX, khi biên soạn sách *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, Lê Quang Định

có viết về Rạch Miếu - một địa chỉ không xa Mỹ Tho và Rạch Cái Nhum, nơi đây còn di duệ người Hoa: "Đến Rạch Cái Nhum, rạch ở bờ bên phải, rộng 6 tấc (1 tấc tương đương 1,111 mét), sâu 1 tấc, hai bên bờ cùng nhiều nguồn rạch này là nhà cửa của người Tây Dương, là nơi nhiều ruộng vườn, giữa đó có nhà của người Hoa" [Lê Quang Định, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, Bản dịch Phan Đăng, Nxb. Thuận Hoá - Trung tâm Văn hoá ngôn ngữ Đông Tây, 2005, tr. 320.

(10). Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Đỗ Mộng Khương, Nguyễn Ngọc Tĩnh dịch, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999, tr. 119-120.

(11). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, Cao Tự Thanh dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr. 240.

(12). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục tiền biên*, sđd, tr. 167.

(13). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, sđd, tr. 240.

(14). Theo Cao Tự Thanh dịch và giới thiệu sách *Đại Nam liệt truyện tiền biên* thì Lũng Kỳ chữ Nôm dịch thành chữ Trưng Kê, nay ở khu vực phía bắc Hà Tiên, gần sông Trưng Kê [*Đại Nam liệt truyện tiền biên*, add, tr. 242]. Sách *Đại Nam thực lục tiền biên* dịch là Luống Cây [tr. 167]. Tác giả Trương Minh Dật cho rằng Lũng Kỳ còn gọi là Trưng Kê là một trong những chỗ đất ban đầu Mạc Cửu đến Hà Tiên nằm ở giữa Róm và Sré Cham, phía tây bắc Phú Quốc [Trương Minh Dật, *Nghiên cứu Hà Tiên*, Tạp chí *Xưa&Nay* - Nxb. Trẻ, 2008, tr. 68]. Nguyễn Văn Nguyên chú thích về địa danh Long Kỳ, còn gọi là Đồng Khoai theo sử Xiêm nằm ngoài thành Vọng Các (Thái Lan) hoặc là Ream nay thuộc Campuchia (*Hà Tiên hiệp trấn Mạc thị gia phả*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2006, tr. 38]. Tôi cho rằng Lũng Kỳ có nhiều tên gọi do cách dịch từ chữ Nôm và từ tiếng Khmer, nhưng Lũng Kỳ không phải là Phú quốc, cũng không phải nằm trên đất Thái lan. Lũng Kỳ là tên con sông gần Hà Tiên nơi có ngôi nhà của Mạc Cửu và là nơi sinh ra Mạc Thiên Tứ. Tài liệu Quốc sử quán triều Nguyễn cho biết: “*Trước đó trên con sông chỗ Cửu ở tại Trưng Kê, chợt xuất hiện một pho tượng vàng cao 7 thước, ánh sáng chói ngời trên mặt nước. Có nhà sư người Man trông thấy kinh lạ, nói với Cửu rằng: “Đó là điềm trong nước xuất hiện người tài giỏi, phúc đức không biết đầu mà kể”... Thiên Tứ cũng sinh trong năm ấy, người ta truyền là bậc Bô*

Tát xuống trần” [*Đại Nam liệt truyện tiền biên*, add, tr. 242].

(15). *Hà Tiên hiệp trấn Mạc thị gia phả*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2006, tr. 37- 38.

(16). Đỗ Quỳnh Nga, “Quá trình mở trấn Hà Tiên dưới thời các chúa Nguyễn”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Di sản văn hoá Hà Tiên bảo tồn và phát triển*, Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang, Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam tổ chức, Hà Tiên, 2009, tr. 19-26.

(17). Trương Minh Dật, “Tao đàn Chiêu anh các, những phát hiện mới và việc bảo tồn - phát huy”. Hội thảo khoa học *Di sản văn hoá Hà Tiên: Bảo tồn và phát triển*, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Kiên Giang - Phân viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức, Hà Tiên, 2009, tr. 189.

(18), (19). *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, add, tr. 241.

(20), (22), (23). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục tiền biên*, add, tr. 181, 198-199, 199.

(21), (24), (25), (26), (27), (28). *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, add, 242, 243, 245, 244, 244, 244.

(29). Châu Thị Hải, “Bước đầu tìm hiểu quá trình tiếp xúc và giao lưu văn hoá Việt - Hoa trong lịch sử”, *Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ nhất*, 1998, Nxb. Thế Giới, Hà Nội, 2000, tr. 174.